

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Dự toán: Thuê dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra các thiết bị đo lường và thiết bị thử nghiệm phục vụ công tác sửa chữa năm 2026.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến từ tháng 06/2026.
- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra các thiết bị đo lường và thiết bị thử nghiệm phục vụ công tác sửa chữa năm 2026.
- Địa điểm thực hiện dịch vụ:
 - + Địa điểm 1: Các Phân xưởng Sửa chữa Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh.
 - + Địa điểm 2: Các Phân xưởng Sửa chữa Vĩnh Tân tại xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.
 - + Địa điểm 3: Các Phân xưởng Sửa chữa Mông Dương tại Khu 8, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh.
 - + Địa điểm 4: Tại cơ sở của nhà thầu đối với những thiết bị không thể thực hiện tại Phân xưởng của Chủ đầu tư. Trong đó, việc vận chuyển khi nhận thiết bị và bàn giao về Kho của Chủ đầu tư sẽ do nhà thầu thực hiện.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 200 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian thực hiện dịch vụ từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết tháng 12/2026. Trong đó:
 - + Trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư (qua email/điện thoại/văn bản), nhà thầu phải tập kết thiết bị, vật tư và nhân công đến địa điểm yêu cầu để thực hiện công việc theo đúng thời gian thông báo.
 - + Thời gian thực hiện và hoàn thành dịch vụ đối với từng đợt là: Tùy theo số lượng thiết bị thực hiện dịch vụ của từng đợt nhưng tối đa không quá 20 ngày lịch kể từ ngày nhận bàn giao thiết bị từ Chủ đầu tư.

2. Mục tiêu công việc:

Nhà thầu cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra các thiết bị đo lường và thiết bị thử nghiệm phục vụ công tác sửa chữa năm 2026. Nhà thầu thực hiện toàn bộ các công việc liên quan để hoàn thành công việc theo yêu cầu của E-HSMT này,

đảm bảo chất lượng và các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật có liên quan, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

Phạm vi cung cấp dịch vụ được mô tả theo Bảng dưới đây:

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
I	Phân xưởng Gia công – Phục hồi		
1	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ thu thập và phân tích dữ liệu rung động cầm tay Scout140Ex-05-none	Thiết bị	1
2	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng sóng siêu âm Epoch 650	Thiết bị	1
3	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo bề dày vật liệu bằng sóng siêu âm Krautkramer	Thiết bị	1
4	Dịch vụ thử nghiệm Gông từ York Eishin Kagaku	Thiết bị	1
5	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo cường độ ánh sáng trắng, ánh sáng đen	Thiết bị	1
6	Dịch vụ hiệu chuẩn Nhiệt kế ẩm	Thiết bị	1
7	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ nhám	Thiết bị	1
8	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ 50-150mm	Thiết bị	1
9	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ nhỏ 18-35mm/0.001mm Mitutoyo 511-701	Thiết bị	1
10	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo góc 0-360 độ; L150; 300mm; Model: 187-901	Thiết bị	1
11	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ 511-706; Dải đo: 250-400mm/0,01mm	Thiết bị	1
12	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ 511-705; Mitutoyo; Dải đo: 160-250mm/0,01mm	Thiết bị	1
13	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so chân gập 1.5mm/0.01mm 513-426-10A	Thiết bị	1
14	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dường Panme đo ngoài 25 mm)	Thiết bị	1
15	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dường Panme đo ngoài 75 mm)	Thiết bị	1
16	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dường Panme đo ngoài 125 mm)	Thiết bị	1
17	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dường Panme đo ngoài 175 mm)	Thiết bị	1
18	Dịch vụ hiệu chuẩn Vòng chuẩn (đo lỗ Ø25 mm)	Thiết bị	1
19	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo lỗ Mitutoyo 511-712 (35-60mm), bao gồm: đồng hồ so 511-712.	Thiết bị	1
20	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong Mitutoyo 139-177, 100-2100mm/0.01mm	Thiết bị	1
21	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí 0-150mm/0.01; Model: 104-135A	Thiết bị	1
22	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 100-200mm 104-140A	Thiết bị	1
23	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí 200-300mm/ 0.01mm 104-141A	Thiết bị	1
24	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí, Phạm vi đo: 300-400 mm. 104-142A	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
25	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 400-500mm Mitutoyo. Model: 104-143A	Thiết bị	1
26	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất trên bình khí nén VT3220603, áp suất làm việc 8.0 bar	Thiết bị	1
27	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất trên bình khí nén DT- 8000 D, áp suất làm việc 10 bar	Thiết bị	1
28	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất trên bình khí nén DT- 100 D, áp suất làm việc 10bar	Thiết bị	1
29	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất trên bình khí nén của máy nén gió di động SWAN, Phân xưởng 1, áp suất làm việc 8bar	Thiết bị	1
30	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất trên bình khí nén di động NABI, áp suất làm việc 10bar	Thiết bị	1
II	Phân xưởng Sửa chữa Cơ – Nhiệt Phú Mỹ		
31	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất 400 bar	Thiết bị	1
32	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ TECSIS 600 bar	Thiết bị	1
33	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất 600 bar	Thiết bị	1
34	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất 700 bar	Thiết bị	2
35	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất Hi – Force 700 bar	Thiết bị	2
36	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất ENERPAC 700 bar	Thiết bị	20
37	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ Hytorc 700bar	Thiết bị	1
38	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ ENERPAC 700 bar	Thiết bị	1
39	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ bơm thủy lực (TORCUP-Z16E2-01) 700 bar	Thiết bị	1
40	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất ENERPAC 800 bar	Thiết bị	1
41	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất 1000 bar	Thiết bị	2
42	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất ENERPAC 1000 bar	Thiết bị	3
43	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ ITH GmbH 1000 bar	Thiết bị	1
44	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất ITH 1000 bar	Thiết bị	6
45	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp lực ITH 1000 bar	Thiết bị	2
46	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất, Badotherm Holland 1000 bar	Thiết bị	1
47	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất ITH 1600 bar	Thiết bị	10
48	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất ITH 2500 bar	Thiết bị	1
49	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất ITH 3000 bar	Thiết bị	1
50	Dịch vụ hiệu chuẩn Nivo Wyler (150x150mm)	Thiết bị	1
51	Dịch vụ hiệu chuẩn Nivo khung	Thiết bị	1
52	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy dò khí SENKO-MGT	Thiết bị	1
53	Dịch vụ hiệu chuẩn Cân móc cầu - 15T	Thiết bị	1
54	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất - WIKA-700 bar	Thiết bị	2
55	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp điện tử 150 m/m	Thiết bị	1
56	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp cơ 300 m/m	Thiết bị	1
57	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so 0-20 mm	Thiết bị	1
58	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so 0-50 mm	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
59	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so Peacock 0 - 5 mm	Thiết bị	2
60	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so 0-10mm	Thiết bị	6
61	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so kế Mitutoyo 0-80mm/0.01mm	Thiết bị	1
62	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ căn mẫu Model: Mitutoyo 516-947-10 (1.001-1.009mm)	Thiết bị	1
63	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 50 mm)	Thiết bị	1
64	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 75 mm)	Thiết bị	1
65	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 125 mm)	Thiết bị	1
66	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 175 mm)	Thiết bị	1
67	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 225 mm)	Thiết bị	1
68	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 275 mm)	Thiết bị	1
69	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 325 mm)	Thiết bị	1
70	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 375 mm)	Thiết bị	1
71	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 425 mm)	Thiết bị	1
72	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 475 mm)	Thiết bị	1
73	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 525 mm)	Thiết bị	1
74	Dịch vụ hiệu chuẩn Thanh mẫu (dưỡng Panme đo ngoài 575 mm)	Thiết bị	1
75	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ panme đo sâu 0 -100 mm	Thiết bị	1
76	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ panme đo trong 50 -1500 mm	Thiết bị	1
77	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước Panme đo ngoài 0-150mm	Thiết bị	1
78	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ dày vật liệu PosiTector UTG C1	Thiết bị	2
79	Dịch vụ hiệu chuẩn Kiểm tra khuyết tật bằng sóng siêu âm (Loại: USN58L; Nhãn hiệu: GE-IT)	Thiết bị	1
80	Dịch vụ thử nghiệm Bộ York kiểm tra từ tính Handymagna	Thiết bị	1
81	Dịch vụ thử nghiệm Bộ York kiểm tra từ tính Handymagna	Thiết bị	1
82	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so kế 10mm/0.01mm	Thiết bị	5
83	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ thước đo lỗ 35-60mm (bao gồm các đầu đo và đồng hồ so)	Thiết bị	1
84	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ thước đo lỗ 50-150mm (bao gồm các đầu đo và đồng hồ so)	Thiết bị	1
85	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so 0-20mm	Thiết bị	1
86	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so 0-50mm	Thiết bị	1
87	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so kế 0-80mm	Thiết bị	1
88	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 0-25mm	Thiết bị	1
89	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 25-50mm	Thiết bị	1
90	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 50-75mm	Thiết bị	1
91	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 150-300mm	Thiết bị	1
92	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ Panme đo trong 50-1000mm	Thiết bị	1
III	Phân xưởng Sửa chữa Điện – Tự động Phú Mỹ		
93	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phát nhiệt độ đa năng Martel MC-1210 NSX: Martel	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
94	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất hiển số DPI 104 IS (của Bơm tay tạo áp suất PV212-HP-700 (0-350 bar)) NSX: GE-Druck	Thiết bị	1
95	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo điện vạn năng hiển số 87V Nhà SX: Fluke	Thiết bị	1
96	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng số Fluke 787	Thiết bị	1
97	Dịch vụ hiệu chuẩn Dụng cụ đo nhiệt độ & độ ẩm không khí U14-001	Thiết bị	1
98	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị đo nhiệt độ & độ ẩm không khí TT-532	Thiết bị	1
99	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị chuyển đổi áp suất 2088 SMART, Range: 0÷250 bar Nơi SX: ROSEMOUNT-SINGAPORE	Thiết bị	1
100	Dịch vụ hiệu chuẩn Công tắc áp suất Type: Không rõ: N/A, Nhà SX: HERION	Thiết bị	1
101	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất hiển số/ DPI 104, 0-350 bar (của bơm tạo áp suất PV212-104-H-2 (0-350 bar)) NSX: GE-Druck	Thiết bị	1
102	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất hiển số/ DPI 104, 0-350 bar (của bơm tạo áp suất PV212-104-H-2) NSX: GE-Druck	Thiết bị	1
103	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất hiển số/ DPI 104, 0-20 bar (của bơm tay tạo áp suất gió nén PV211-104-P-2) NSX: GE-Druck	Thiết bị	1
104	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất hiển số/ DPI 104, 0-20 bar (của bơm tay tạo áp suất gió nén PV211-104-P-2) NSX: GE-Druck	Thiết bị	1
105	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy Phát đa năng CA150 Nhà sản xuất: YOKOGAWA	Thiết bị	1
106	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện thang đo điện áp thấp HIOKY IR-4056	Thiết bị	1
107	Dịch vụ hiệu chuẩn Lò nung Metrology Well Order code: 9173 – INSE, Fluke Model: 9173	Thiết bị	1
108	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo VOM. Model: 87V Fluke	Thiết bị	1
109	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kìm Clamp Meter Fluke Model: Fluke 319	Thiết bị	1
110	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất hiển số /DPI 104 Phạm vi đo -1-2 bar Vạch chia 0.1 mbar, Cấp chính xác 0.05	Thiết bị	1
111	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất hiển số 700G10 (của bơm tay tạo áp 700HTPK2 Hydraulic Test Pump) (-100KPa-14 MPa) Model: Fluke - 700G10 NSX: Fluke	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
112	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị hiệu chuẩn đa năng Model: CA500-F1 Nhà SX: Yokogawa	Thiết bị	1
113	Dịch vụ hiệu chuẩn Lò tạo nhiệt độ Fluke 9144 (High temp field metrology well) NSX: Fluke	Thiết bị	1
114	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ tạo áp thủy lực/ Oil-Operated dead weight tester Type: PSQ-400B-L/C Nhà SX: AMETEK	Thiết bị	1
115	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo nồng độ khí XP-3110 CH4	Thiết bị	1
116	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử cao áp Megger 58kV AC/80kV DC, HPG80-H	Thiết bị	1
117	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở tiếp đất/Earth resistance meter Type: DET-3/2, Nhà SX: Megger	Thiết bị	1
118	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị thử role/Relay test unit Type: SVERKER 750, Nhà SX: Programma	Thiết bị	1
119	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở tiếp xúc MOM Type: MOM 600A, Nhà SX: Programma	Thiết bị	1
120	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị chỉ thị pha/Phase sequence indicator Type: 3126 , Nhà SX: Hioki	Thiết bị	1
121	Dịch vụ hiệu chuẩn Micro-Ohmmeter/Máy đo điện trở tiếp xúc Type: MOM 690, Nhà SX: Programma	Thiết bị	1
122	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tỷ số vòng dây/Transformer turns ratio meter Type: 2793QH, Nhà SX: Tettex Instruments	Thiết bị	1
123	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử cao thế 160kV DC Type: 220163-47, Nhà SX: BIDDLE	Thiết bị	1
124	Dịch vụ hiệu chuẩn Nguồn dòng điện AC/current test sets Type: PCITS 2000/2, Nhà SX: AVO MEGGER	Thiết bị	1
125	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị thử role/Relay test unit Type: SVERKER750, NhàSX: Programma	Thiết bị	1
126	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở tiếp đất/ Earth resistance meter Type: UNILAP GEO X, Nhà SX: LEM	Thiết bị	1
127	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Dụng cụ đo nhiệt độ & độ ẩm không khí NJ-2099	Thiết bị	1
128	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ bấm giây điện tử (Casio) Model: HS-80TW	Thiết bị	1
129	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Thiết bị đo nhiệt độ & độ ẩm không khí TT-532	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
130	Dịch vụ hiệu chuẩn Th.bị đo điện trở MBA/ Transformer resistance meterRange: 1 $\mu\Omega$ - 500 Ω (1A - 40A) Type: TRM-403, SN: MO-310023	Thiết bị	1
131	Dịch vụ hiệu chuẩn Hợp bộ Thí nghiệm role OMICRON Type: CMC 256 plus, NSX: OMICRON	Thiết bị	1
132	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy chụp sóng máy cắt Type: CIBANO 500	Thiết bị	1
133	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện SI-1568-EU	Thiết bị	1
134	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ điện trở cách điện (2016) type: 3125A, 500/1000/2500/5000V, NSX: KYORITSU	Thiết bị	2
135	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kiểm KYORITSU 2010 (K2010)	Thiết bị	1
136	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo điện năng FLUKE 87-V	Thiết bị	2
137	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử điện áp xoay chiều AC Model: BK130/36 Series number: 17-1838	Thiết bị	1
138	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở một chiều Megger MTO330	Thiết bị	1
139	Dịch vụ hiệu chuẩn Hợp bộ thí nghiệm đa chức năng CPC100 (TNĐ37/1); module: CP TD1 (TNĐ37/2), CP SB1 (TNĐ37/3), CP CR500 (TNĐ37/4)	Thiết bị	1
140	Dịch vụ hiệu chuẩn Hợp bộ thí nghiệm máy biến dòng CT Analyzer type: CTAnalyzer	Thiết bị	1
141	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở đất, đo điện trở suất của đất DET4TCR2 +ETK50C	Thiết bị	1
142	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phát dòng MEGGER INGVAR portable 5000A (100-240V AC SUPPLY)	Thiết bị	1
143	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử nghiệm đánh thủng dầu cách điện: MEGGER OTS100AF 100KV	Thiết bị	1
144	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị thử role/Relay test unit Type: SVERKER 750	Thiết bị	1
145	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị thử role/Relay test unit Type: SVERKER750, S/n: 1911627 Nhà SX: Programma	Thiết bị	1
146	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe Kim Đo dòng rò Hioki CM4003	Thiết bị	1
147	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phân tích đáp ứng tần số quét FRANEO	Thiết bị	1
148	Dịch vụ hiệu chuẩn Hợp bộ thí nghiệm máy biến áp lực TESTRANO 600	Thiết bị	1
149	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị đo hàm lượng ẩm trong cách điện rắn DIRANA	Thiết bị	1
150	Dịch vụ hiệu chuẩn Hợp bộ thử nghiệm PD offline, mã hiệu: MPD 800	Thiết bị	1
151	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo Cách điện HIOKI IR4056	Thiết bị	3

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
152	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện C.A 6525B France	Thiết bị	1
153	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở cách điện Sanwa 500V DM508S NSX: Sanwa	Thiết bị	1
154	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện (2009) Type: 3021 Nhà SX: Kyoritsu	Thiết bị	1
155	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện (2009) Type: 3023 Nhà SX: Kyoritsu	Thiết bị	1
156	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kèm hiện số (2009) Type: 2009A Nhà SX: Kyoritsu	Thiết bị	1
157	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kim AC/DC FLUKE 376	Thiết bị	3
158	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở 1 chiều SEW 6237 DLRO	Thiết bị	2
159	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo nhiệt độ, độ ẩm, điểm sương Model: Extech 445815	Thiết bị	1
160	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử nghiệm động cơ offline 15kV, Baker DX-15 (hộp bộ thí nghiệm đa chức năng CPC100, CP SB1, CP CR500)	Thiết bị	1
161	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo điện vạn năng hiện số Type: 87V , Nhà SX: Fluke (TNĐ15 chuyển qua SCD cuối 2013)	Thiết bị	1
162	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo đa năng Fluke 87-V C	Thiết bị	1
163	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo nhiệt độ Fluke 52 II	Thiết bị	1
164	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử nghiệm Bump test - Oros 36	Thiết bị	1
165	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị đo HS tổn hao điện môi, mã hiệu: CDAX605	Thiết bị	1
166	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị thí nghiệm cao áp AC, mã hiệu: SGM-600/50 (35)	Thiết bị	1
167	Dịch vụ kiểm định Máy đo hàm lượng khí O2 (SP-SGTP-O2)	Thiết bị	1
168	Dịch vụ kiểm định Máy đo hàm lượng khí CO (SP-SGTP-CO)	Thiết bị	1
169	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo panme cho bộ test GAP 'Set of inside and outside micrometers (Bộ test đầu dò độ rung) VZ-30A	Thiết bị	1
170	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ dụng cụ kiểm tra đầu dò độ rung, tốc độ, di trục Proximity System Test Kit TK-3e Model: 177313-02-02, NSX: Bently Nevada	Thiết bị	1
171	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo điện năng số Fluke 289	Thiết bị	1
172	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo xung ScopeMeter® Test Tool 190/102 NSX: Fluke	Thiết bị	1
IV	Phân xưởng Sửa chữa Cơ – Nhiệt Mông Dương		

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
173	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so cơ 2046S	Thiết bị	11
174	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so+ để từ CCY 0,01	Thiết bị	4
175	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 75-100mm	Thiết bị	3
176	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 0-25 mm	Thiết bị	7
177	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 25-50 mm	Thiết bị	4
178	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 50-75 mm	Thiết bị	3
179	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong 25-50mm	Thiết bị	4
180	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ nhỏ 10-18mm/0.01mm Mitutoyo 526-127	Thiết bị	1
181	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ nhỏ 18-35mm/0.001mm Mitutoyo 511-721	Thiết bị	1
182	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ nhỏ 7-10mm/ 0.01mm Mitutoyo 526-126	Thiết bị	1
183	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ rung cầm tay Rion VM-63C	Thiết bị	3
184	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo khoảng cách bằng laser Fluke 419D	Thiết bị	1
185	Dịch vụ hiệu chuẩn Súng đo nhiệt độ hồng ngoại Fluke 568 Max đo -40°C to 800°C	Thiết bị	5
186	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy kiểm tra chiều dày ống Máy đo độ dày kim loại xuyên qua lớp phủ TG4100, LCD 128x64 với đèn nền (gồm: hộp đựng, mỡ tiếp âm, đầu dò 8mm-5MHz, đĩa CD)	Thiết bị	8
187	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy kiểm tra độ cứng ống Máy kiểm tra độ cứng ống, model: Time HLN-11A	Thiết bị	2
188	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ đo đường kính trong với độ chính xác 0,01mm Mitutoyo 139-177 100-2100mm	Thiết bị	1
189	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ đồng hồ so căn chỉnh khớp nối Tuabin extensometer E1000	Thiết bị	1
190	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 160÷800 Nm	Thiết bị	2
191	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 25÷125 Nm	Thiết bị	2
192	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực, với dải: 28-210Nm. Chiều dài 125mm.	Thiết bị	1
193	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực, với dải: 40-280Nm. Chiều dài 695mm.	Thiết bị	1
194	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so chân gập mã 513-404E dải đo 0-0.8mm, chiều dài đầu đo 20,9 Phụ kiện kèm theo cần gắn đồng hồ kính 8mm	Thiết bị	2
195	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so kiểu cơ Mitutoyo 1044S (0-5mm/ 0.01mm) và chân để từ gắn đồng hồ so Chứng chỉ kiểm định, CO, CQ	Thiết bị	2
196	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy cân điểm và tia Bosch GC L25	Thiết bị	1
197	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị phân tích và kiểm tra cân bằng động của quạt Fluke 810 vibration tester	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
198	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp 0 - 300 mm	Thiết bị	4
199	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp 600mm, 0.02 (Mitutoyo) 160-153	Thiết bị	1
200	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp 0 - 200 mm	Thiết bị	10
201	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp cơ khí Mitutoyo 530-118 0-200mm/0.02	Thiết bị	1
202	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo chiều sâu 0-15mm	Thiết bị	1
203	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo cơ khí Vernier Caliper	Thiết bị	1
204	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo điện tử Digimatic Caliper CD-20APX	Thiết bị	2
205	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo lỗ đầu panme (511 - 201)	Thiết bị	1
206	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo lỗ đầu panme 511 - 711	Thiết bị	1
207	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo lỗ đầu panme 511 - 712	Thiết bị	1
208	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị phân tích hợp kim cầm tay-kỹ thuật quang phổ laser LISB	Thiết bị	1
209	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị kiểm tra khuyết tật EPOCH 650 (máy siêu âm)	Thiết bị	1
210	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy chụp ảnh nhiệt Flir E6-XT	Thiết bị	1
211	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy kiểm tra siêu âm Omniscan MX2,S/N:OMNI2-105189	Thiết bị	1
212	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo khí Oxy O2 SPD201	Thiết bị	1
213	Dịch vụ hiệu chuẩn Panmer đo ngoài 0-25mm	Thiết bị	3
214	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-151, 350-375mm/0.01mm	Thiết bị	1
215	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-152, 375-400mm/0.01mm	Thiết bị	1
216	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-153, 400-425mm/0.01mm	Thiết bị	1
217	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-154, 425-450mm/0.01mm	Thiết bị	2
218	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-156, 475-500mm/0.01mm	Thiết bị	1
219	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-157, 500-525mm/0.01mm	Thiết bị	1
220	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-158, 525-550mm/0.01mm	Thiết bị	1
221	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-159, 550-575mm/0.01mm	Thiết bị	1
222	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-160, 575-600mm/0.01mm	Thiết bị	1
223	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-161, 600-625mm/0.01mm	Thiết bị	1
224	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 103-162, 625-650mm/0.01mm	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
V	Phân xưởng Sửa chữa Điện – Tự động Mông Dương		
225	Dịch vụ hiệu chuẩn Nhiệt kế kiểu cặp nhiệt điện	Thiết bị	1
226	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ hiệu chỉnh cầm tay Fluke 725	Thiết bị	1
227	Dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm Bộ hiệu chỉnh chuẩn Hart đa chức năng DPI 620CE	Thiết bị	2
228	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng HP 34401 A	Thiết bị	1
229	Dịch vụ hiệu chuẩn Lò nung tiêu chuẩn 9142: Dải nhiệt độ khác nhau	Thiết bị	1
230	Dịch vụ kiểm tra Thiết bị hiệu chuẩn HART 475 (475HP1ENA9GMT)	Thiết bị	2
231	Dịch vụ kiểm tra Bộ giao tiếp với t/b trường Emerson AMS TREX Model TREXLFPKLWS3	Thiết bị	1
232	Dịch vụ thử nghiệm Bơm tạo áp suất h/chuẩn 0.95-35bar Beamex PGC S/n 10/19 0074	Thiết bị	1
233	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng Egatronik 51254	Thiết bị	1
234	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị hiệu chuẩn GE Druck UPS III HD (0-24 Ma)	Thiết bị	1
235	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng Fluke 789	Thiết bị	1
236	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở cách điện KYORITSU 3165	Thiết bị	1
237	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo hiện số đa chức năng FLUKE 87V	Thiết bị	2
238	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ dụng cụ Kiểm tra đầu dò độ rung TK3-e Model 177313-02-02 Benly Nevada	Thiết bị	1
239	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất điện tử DPI 104: 0-350 Bar	Thiết bị	1
240	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất điện tử DPI 104: 0-200 Bar	Thiết bị	1
241	Dịch vụ hiệu chuẩn Súng đo nhiệt độ hồng ngoại Hioki FT 3701-20	Thiết bị	1
242	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ tạo nguồn DC Keysight E3634A	Thiết bị	1
243	Dịch vụ hiệu chuẩn Dịch vụ hiệu chuẩn bộ hiệu chuẩn Victor 02	Thiết bị	1
244	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng Fluke 17B AC	Thiết bị	5
245	Dịch vụ hiệu chuẩn Fluke 17B (mã mới Fluke 17B MAX)	Thiết bị	5
246	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Thiết Bị Đo Điện Trở Cách Điện Hioki IR4056-21	Thiết bị	1
247	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo nhiệt độ, độ ẩm EXTECH 445703	Thiết bị	1
248	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ hiệu chỉnh cầm tay Fluke 726	Thiết bị	1
249	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ hiệu chuẩn rung cầm tay The Modal Shop - Model: 9100D	Thiết bị	1
250	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ Kit tạo áp suất chuẩn bằng tay để hiệu chỉnh thiết bị (bao gồm bơm tay và đồng hồ hiển thị) Model: PV212	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
	Druck digital test gauge DPI104 Pressure range 700 bar (10,000psi)		
251	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ; DPG - 10; Đo áp suất; 0 đến 10 bar	Thiết bị	1
252	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ tải xả ắc quy Kongter K-3980 SN 3980193502W Battery Load Bank	Thiết bị	1
253	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở tiếp xúc Megger DLRO10HD	Thiết bị	1
254	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kìm AC Hioki 3281 AC\DC 600A	Thiết bị	1
255	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp điện tử 0-300mm/0.01mm	Thiết bị	1
256	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ kiểm tra ắc quy Model: Hioki 3555	Thiết bị	1
257	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ dưỡng đo bề dày (0.05-1mm/ 20 lá/150mm)	Thiết bị	1
258	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 0-25 mm	Thiết bị	1
259	Dịch vụ hiệu chuẩn Dưỡng đo lỗ từ 1-15mm, SHINWA 62603	Thiết bị	1
260	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo 150-300mm	Thiết bị	1
261	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ rung cầm tay Rion VM-63C	Thiết bị	1
262	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong 50-500mm/ 0.01mm	Thiết bị	1
263	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp 0 - 300 mm	Thiết bị	1
264	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo đường kính ngoài (OD) 0/25mm	Thiết bị	1
265	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước panme đo ngoài, khoảng đo 0-25mm; 175-200mm; 275-300mm (3 cái/ bộ)	Thiết bị	1
266	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước panme đo trong, khoảng đo 25-50mm; 50-500mm (2 cái gồm 06 đầu nối : 13, 25, 2 x 50,100,200mm)	Thiết bị	1
267	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở cách điện Kyoritsu 3125A	Thiết bị	1
268	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so kế từ 0-10mm/0.01; Model: 2046S	Thiết bị	1
269	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy Kiểm Tra Rò Rỉ Gas Lạnh Value Vml-1	Thiết bị	1
270	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lực nén PDN-20 (Indicator)	Thiết bị	1
271	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy kiểm tra rò rỉ khí H2 XP-3110 Cosmos	Thiết bị	1
272	Dịch vụ hiệu chuẩn Cản xiết lực 1" Kingtony 34862-3FF-500~2500 N.M	Thiết bị	1
273	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tốc độ động cơ CDT-2000HD	Thiết bị	1
274	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe Kìm Đo dòng rò Hioki CM4003	Thiết bị	1
275	Dịch vụ hiệu chuẩn Cản xiết lực cách điện Wiha 30138, (Insulated Ratcheting Torque Wrench 3/8")	Thiết bị	1
276	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng Kyoritsu, Model: 1021R	Thiết bị	1
277	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ chỉ thị pha KYORITSU 8031	Thiết bị	1
278	Dịch vụ hiệu chuẩn Cản xiết lực Kingtony 34423-2A KTC (70-340) Nm/d=3Nm	Thiết bị	1
279	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện Megger MIT410	Thiết bị	2
280	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng Fluke 345	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
281	Dịch vụ hiệu chuẩn CỜ LÊ LỰC/CÀN XIẾT LỰC KINGTONY 34662-1DG (3/4" 100-600 NM)	Thiết bị	1
282	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện Megger S1-1068	Thiết bị	1
283	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo nội trở acquy Model: Megger BITE5	Thiết bị	1
284	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ xả acquy 220VDC - 300A Model: HDGC-3985	Thiết bị	1
285	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở đất Megger DET4TD2	Thiết bị	1
286	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tổn hao điện môi Megger Delta4310	Thiết bị	1
287	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đa năng Fluke 435II	Thiết bị	1
288	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tỷ số biến Megger TTR310	Thiết bị	1
289	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở 1 chiều Megger MTO210	Thiết bị	1
290	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở cách điện Megger MIT30	Thiết bị	1
291	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng Fluke 287	Thiết bị	1
292	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tỷ số biến Megger TTR330	Thiết bị	1
293	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện Megger MIT515	Thiết bị	2
294	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kim đo dòng nhị thứ TI Fluke 360	Thiết bị	1
295	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử cao áp AC/DC PHENIX PAD1025	Thiết bị	1
296	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở đất KYORITSU 4105A (20/200/2000 Ôm),	Thiết bị	1
297	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ nguồn thí nghiệm Relay test Sverker 750 CD-12390	Thiết bị	1
298	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phát dòng Megger INGVAR 5000A	Thiết bị	1
299	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở tiếp xúc MOM-200A BD-12390	Thiết bị	1
300	Dịch vụ hiệu chuẩn Hộp bộ Thí nghiệm role OMICRON Type: CMC 356 plus, NSX: OMICRON	Thiết bị	1
301	Dịch vụ hiệu chuẩn Hộp bộ thí nghiệm máy biến dòng CT Analyzer type: CTAnalyzer	Thiết bị	1
302	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy chụp sóng máy cắt: Type TM1800 (Megger)	Thiết bị	1
303	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp điện tử 65484 (0-150mm/0.01mm)	Thiết bị	1
304	Dịch vụ hiệu chuẩn Càn xiết lực 1/2 inch Lực xiết: 10-150FTB	Thiết bị	1
305	Dịch vụ hiệu chuẩn Càn siết lực 20-100Nm CMPB1004 và đầu nối khẩu 1/2"	Thiết bị	1
306	Dịch vụ hiệu chuẩn Càn siết lực 60-300Nm CMPB3004 và đầu nối khẩu 1/2"	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
307	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy chụp sóng (Megger Egil)	Thiết bị	1
VI	Phân xưởng Sửa chữa Điện – Tự động Vĩnh Tân tại NMND Vĩnh Tân 2		
308	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở một chiều MTO330	Thiết bị	2
309	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở tiếp xúc Megger DLRO200	Thiết bị	1
310	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tỷ số biến áp Megger TTR330-47	Thiết bị	1
311	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị kiểm tra rơ le/Relay test unit Megger Programa Sverker 780	Thiết bị	1
312	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo VOM. Model: 87V Fluke	Thiết bị	9
313	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kim AC/DC fluke 374	Thiết bị	11
314	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở tiếp đất Megger DET4TC2+Kit	Thiết bị	1
315	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử Rơ le 3 pha CMC356	Thiết bị	1
316	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở cách điện Fluke 1555 kit	Thiết bị	1
317	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đo điện trở cách điện Kyoritsu (Megomet) Model 3127	Thiết bị	1
318	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện KD2678A	Thiết bị	1
319	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện Hioki IR4056-21 (1000V-4000MΩ-5Range	Thiết bị	10
320	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị chuẩn đa năng/Compact Calibrator CA 150	Thiết bị	2
321	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Fluke 700RG30 5K Dải áp suất: 0-345bar	Thiết bị	1
322	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất của bộ bơm tay tạo áp suất gió nén PV210-104-P-2 Model: MSIP-REI-KTM-DPI104 Dải áp suất: 0 - 30 psi	Thiết bị	1
323	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất của bộ bơm tay tạo áp suất gió nén PV212-23-104-N-23S Model: MSIP-REI-KTM-DPI104 Dải áp suất: 0-1000 bar	Thiết bị	1
324	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất của bộ bơm tay tạo áp suất gió nén PV211-104-P-2 Model: MSIP-REI-KTM-DPI104 Dải áp suất: 0-300 psi	Thiết bị	1
325	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy hiệu chuẩn áp suất Fluke 719Pro-300G	Thiết bị	1
326	Dịch vụ hiệu chuẩn Bể tạo nhiệt Fluke Calibration 9144-INSC	Thiết bị	1
327	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kim FLUKE 773 (100mA)	Thiết bị	1
328	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phát hiện khí SF6 SmartSensor AR5750B	Thiết bị	1
329	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kim Fluke 772	Thiết bị	2

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
330	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Model: Fluke 700G31 Dải áp suất: -0.97 đến 690 bar	Thiết bị	1
331	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Model: 100KPA-XP2i-S2 Dải áp suất: -100 - 100 kPa NSX: Ametek	Thiết bị	1
332	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Model: 70BAR-XP2i-S2 - Dải áp suất: -1 – 70 bar NSX: Ametek	Thiết bị	1
333	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Model: 200BAR-XP2i-S2 Dải áp suất: 0 – 200 bar NSX: Ametek	Thiết bị	1
334	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở megomet Fluke 1587 DCV: 1000 V $\pm$ 0.09%	Thiết bị	1
335	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử dầu cách điện Model: OTS100AF	Thiết bị	1
336	Dịch vụ hiệu chuẩn Hộp bộ thí nghiệm đa năng Megger TM1800, CG-19296,S/N:2201396	Thiết bị	1
337	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị mở rộng đo điện dung và tổn hao điện môi CP TD15	Thiết bị	1
338	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị thử nghiệm cao áp xoay chiều AC, model ALT-130/60F,S/N:1101	Thiết bị	1
339	Dịch vụ hiệu chuẩn Hộp bộ TN cao áp một chiều Megger 80kV	Thiết bị	1
340	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo cách điện Kyoritsu 3007A	Thiết bị	2
341	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở cách điện Kyoritsu 3125A	Thiết bị	1
342	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ thiết bị phân tích tình trạng động cơ online Baker EXP4000	Thiết bị	1
343	Dịch vụ hiệu chuẩn Hộp bộ thí nghiệm phân tích RSO Model: TDR200	Thiết bị	1
344	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị hiệu chuẩn đa năng Yokogawa CA550	Thiết bị	2
345	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị hiệu chuẩn tốc độ vòng quay Sansel RPMC 1700-2A	Thiết bị	1
346	Dịch vụ hiệu chuẩn Dụng cụ đo tốc độ vòng quay Line Seiki TM-500	Thiết bị	1
347	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất wika Model: CPG1500	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
	- Dải áp suất: 0 – 4 bar - Độ chính xác: $\pm 0,1\%$ FS		
348	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Model: 10BARB-XP2i-S5 - Dải áp suất: 0 – 10 bar - Độ chính xác: $\pm 0,05\%$ FS	Thiết bị	1
349	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ tích hợp nhiệt ẩm kế MIIIW Model: NK5253	Thiết bị	2
350	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo điện đa năng Fluke 17B+	Thiết bị	3
351	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so kiểu cơ Mitutoyo Phạm vi đo: 0-10mm.	Thiết bị	5
352	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ Ampe kim kẹp dòng Hioki CM4373-50	Thiết bị	3
353	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ thí nghiệm từ thông tản trong mạch từ Stator để phát hiện khuyết tật mạch từ (ELCID) Model: Stator Core Measurement - SCM	Thiết bị	1
354	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị bơm dòng sơ cấp LET-4000-RD	Thiết bị	1
355	Dịch vụ hiệu chuẩn Hộp bộ dò tìm sự cố cáp ngầm Megger gồm 3 thiết bị đi kèm: - Máy tạo xung điện áp 4kV: EZT4V3-15T4SWKP - Bộ thu sóng âm thanh và điện từ định vị lỗi cáp ngầm (pin- pioting): DigiPHONE+2 NTRX Set, plus ESG earth rods and Ferrolux receiver - Máy phát tần số 12W: FLG12 Audio frequency generator 12 W	Thiết bị	1
356	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo đặc tính cách điện Model: KDDQ2678C	Thiết bị	1
357	Dịch vụ hiệu chuẩn DSOX3022T - Oscilloscope	Thiết bị	1
358	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe Kim; 2056R; Đo dòng; Kyoritsu	Thiết bị	2
359	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ rung ACEPOM310	Thiết bị	2
360	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo từ trường Magnaflux 20 gauss calibrated field indicator	Thiết bị	1
361	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở; Model: 6237 DLRO; Đo điện trở; 0 đến 2000m Ω	Thiết bị	1
362	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ; FLUKE 88V-A Kit; Đo đa năng	Thiết bị	6
363	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất DPI104-2-22S Range: 0-700 bar	Thiết bị	1
364	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần siết lực 750-2000Nm	Thiết bị	1
365	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước Panme đo ngoài 104-135A Phạm vi đo: 0-150mm	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
366	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ thước panme đo trong 137-204 (50-1000mm) - Gồm 6 đầu đo: 13, 25, 50 (2pcs), 100, 200(2pcs), 300 mm	Thiết bị	1
367	Dịch vụ hiệu chuẩn Cờ lê lực cách điện 5-50 N.m, cấp cách điện 1000V, Model: 990	Thiết bị	1
368	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ cần xiết lực Toptul 1/2 inch Lực xiết: 40-210Nm (gồm 11 chi tiết)	Thiết bị	3
369	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 3/4 inch 34662-3DG lực xiết 200Nm – 1000Nm	Thiết bị	1
370	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 1/2 inch Lực xiết: 20-100Nm.	Thiết bị	1
VII	Phân xưởng Sửa chữa Điện – Tự động Vĩnh Tân tại NMNĐ Vĩnh Tân 4		
371	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kim AC FLUKE 369	Thiết bị	1
372	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kim Fluke 772	Thiết bị	2
373	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo VOM. Model: 87V Fluke	Thiết bị	1
374	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ; Fluke 17B+; Đo đa năng	Thiết bị	6
375	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Thiết bị đo điện trở cách điện đa năng Fluke 1577	Thiết bị	1
376	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở megomet Fluke 1587 DCV: 1000 V $\pm$ 0.09%	Thiết bị	2
377	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện Hioki IR4056-21 (1000V-4000M Ω -5Range	Thiết bị	3
378	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy hiệu chuẩn đa năng Model: Fluke-726	Thiết bị	2
379	Dịch vụ hiệu chuẩn Hộp bộ thí nghiệm đa chức năng CPC 100	Thiết bị	1
380	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở tiếp xúc Megger DLRO200	Thiết bị	1
381	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị tạo độ rung chuẩn Portable shaker table, model: 9100D	Thiết bị	1
382	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phát hiện khí SF6 SmartSensor AR5750B	Thiết bị	1
383	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy hiệu chuẩn đa năng MC6	Thiết bị	1
384	Dịch vụ hiệu chuẩn Bể tạo nhiệt độ Beamex FB660R	Thiết bị	1
385	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Fluke 2700G-BG100K - Dải đo: -100 - 100 kPa - Độ chính xác: $\pm$ 0,02%FS	Thiết bị	1
386	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Fluke 2700G-BG3.5M - Dải đo: -0.83 - 35 bar - Độ chính xác: $\pm$ 0,02%FS	Thiết bị	1
387	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Fluke 2700G-G20M - Dải đo: 0 - 200 bar Độ chính xác: $\pm$ 0,02%FS	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
388	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Fluke 700GA05 Dải đo: 0 - 2 bar Độ chính xác: $\pm 0,05\%FS$	Thiết bị	1
389	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện 5kV MIT525	Thiết bị	1
390	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện 2.5kV MIT515	Thiết bị	1
391	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện MIT400/2	Thiết bị	2
392	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện MJ159	Thiết bị	3
393	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo điện đa năng DM93	Thiết bị	8
394	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phân tích điện năng Model: PW3198	Thiết bị	1
395	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ Ampe kim CM83	Thiết bị	4
396	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đếm tần số 53220A	Thiết bị	1
397	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đếm tần số 53210A	Thiết bị	1
398	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo công suất PW3360-20	Thiết bị	1
399	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo điện dung U1701B	Thiết bị	2
400	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo điện trở DLRO10	Thiết bị	1
401	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy bơm dòng sơ cấp PCITS2000/2	Thiết bị	1
402	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy kiểm tra relay Sverker 750	Thiết bị	1
403	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ đếm thời gian TM200	Thiết bị	2
404	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ thử tải Phantom PA-2505K-73	Thiết bị	1
405	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tan delta Delta 4310	Thiết bị	1
406	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở đất DET14C	Thiết bị	2
407	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy test mẫu dầu OST60PB	Thiết bị	1
408	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử cao áp PTS-75F5	Thiết bị	1
409	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử cao áp PFT-503CMF	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
410	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị tìm điểm chạm cáp đi động CI-LCI250	Thiết bị	2
411	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tốc độ vòng quay Testo 465	Thiết bị	1
412	Dịch vụ hiệu chuẩn Cầu đo điện trở DC Yokogawa 275597	Thiết bị	1
413	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy chụp sóng máy cắt Megger EGIL	Thiết bị	1
414	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo cường độ ánh sáng Testo 545	Thiết bị	1
415	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy hiệu chuẩn dòng, điện áp Yokogawa 2558A-F	Thiết bị	1
416	Dịch vụ hiệu chuẩn Cầu đo điện trở DC Yokogawa 276910/NB1	Thiết bị	1
417	Dịch vụ hiệu chuẩn Hộp điện trở chuẩn Cropico 008-A	Thiết bị	2
418	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thử relay Sverker 780	Thiết bị	1
419	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy bơm dòng sơ cấp ODEN AT/2H 400V	Thiết bị	1
420	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy ghi độ rung/ âm thanh DA-21	Thiết bị	1
421	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Model: 70bar-XP2i-S2-BHX Dải đo: 0-70bar Độ chính xác: $\pm 0,02\%FS$	Thiết bị	1
422	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất Model: 2bar-XP2i-S5-BXX Dải đo: 0-2bar Độ chính xác: $\pm 0,05\%FS$	Thiết bị	1
423	Dịch vụ hiệu chuẩn Hợp bộ mở rộng đo 3 pha cho CPC 100 Model: CP SB1	Thiết bị	1
424	Dịch vụ hiệu chuẩn Hợp bộ thí nghiệm máy biến dòng điện CT Analyzer	Thiết bị	1
425	Dịch vụ hiệu chuẩn Hợp bộ thí nghiệm rơ le 3 pha (CMC356)	Thiết bị	1
426	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo điện trở cách điện Megger S1-1568	Thiết bị	1
427	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ rung EXTECH SDL800.	Thiết bị	1
428	Dịch vụ hiệu chuẩn Ampe kim AC/DC fluke 374	Thiết bị	3
429	Dịch vụ hiệu chuẩn Cân treo; Model: OCS XZ AAE; Điện tử; 15 Tấn	Thiết bị	1
430	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo; SD700; Đo áp suất khí quyển, nhiệt độ, độ ẩm	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
431	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ Kyoritsu 3007A; Đo điện trở cách điện	Thiết bị	1
432	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Đồng hồ đo điện trở cách điện Kyoritsu 3125A	Thiết bị	2
433	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phát hiện khí gas; Fuso DC-IR2	Thiết bị	1
434	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ nạp acquy di động BENNING RECTIFIER Model: D400 G110/330	Thiết bị	1
435	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ Xả Acquy 220VDC - 300A Model: HDFS-2230	Thiết bị	1
436	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo nội trở acquy Model: Megger BITE5	Thiết bị	1
437	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ rung; ACEPOM310; Gia tốc: 0.1 đến 200 m/s; Vận tốc: 0.1 đến 200 mm/s RMS	Thiết bị	2
438	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo nhiệt độ; FLUKE 59 MAX; Đo bằng hồng ngoại; -30 đến 350 độ C	Thiết bị	1
439	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ; FLUKE 88V-A Kit	Thiết bị	2
440	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo áp suất hiển thị điện tử Model: WIKA CPG1500 Ranger: 0 to 700 bar	Thiết bị	1
441	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo lưu lượng bằng sóng siêu âm cầm tay Tokyo UFP-20	Thiết bị	1
442	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo rãnh trong và độ sâu; Model: 1376-300; INSIZE	Thiết bị	1
443	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo cáp quang; Model: TB-700-SCA	Thiết bị	1
444	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy chụp ảnh công nghiệp bằng sóng âm - Model: Fluke-II915	Thiết bị	1
445	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ kháng bù thí nghiệm cao áp cho máy điện quay CP CR600 (100H, 50H, 25H) Model: CP CR600	Thiết bị	1
446	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị thử bộ đếm sét Model: SMT-3	Thiết bị	1
447	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 1500-3000 Nm	Thiết bị	1
448	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy phát tín hiệu đa chức năng: - Model: SG-004A	Thiết bị	3
449	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ vạn năng Kyoritsu - Model: 2012RA	Thiết bị	4
450	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo mức âm thanh 945 Phạm vi đo: 30-130dB	Thiết bị	1
451	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 1/4" Kingtony 34223-1A (5-25 Nm)	Thiết bị	1
452	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ cần xiết lực Toptul 1/2 inch Lực xiết: 40-210Nm (gồm 11 chi tiết)	Thiết bị	3
453	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 25÷125 Nm	Thiết bị	1
454	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 1/4" Model: WERA 05075604001; lực xiết 2,5-25Nm	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
VIII	Phân xưởng Sửa chữa Cơ – Nhiệt Vĩnh Tân tại NMND Vĩnh Tân 2		
455	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo khí Gas Riken Keiki GX-3R, CO/H2S/O2/LEL.	Thiết bị	2
456	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ dày siêu âm HUATEC TG4100 - Dải đo 0.8–300 mm - Độ phân giải 0.01 mm / 0.1 mm - Độ chính xác ± 0.05 mm	Thiết bị	4
457	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị Test van an toàn online PreventTest LTC 2.0 Online PSV Tester	Thiết bị	1
458	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ cứng cầm tay vạn năng, SN:A2104190005	Thiết bị	1
459	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo tốc độ vòng quay SKF - TKRS 21	Thiết bị	1
460	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng sóng siêu âm Epoch 1000i	Thiết bị	1
461	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo sâu điện tử 0-300mm/0.001mm	Thiết bị	1
462	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong cơ khí 50-300mm/0.01mm	Thiết bị	1
463	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí 0-150mm/0.01mm	Thiết bị	2
464	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong cơ khí 50-1000mm/0.01mm	Thiết bị	2
465	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí 600-700mm/0.01mm	Thiết bị	1
466	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong cơ khí dạng ống Mitutoyo 139-177 (100-2100mm/ 0.01mm)	Thiết bị	1
467	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo bao gồm: - Đồng hồ so: 2046AB - Phần đo trong: 526-102 - Dải đo lỗ: 10–18 mm - Vạch chia: 0,01 mm	Thiết bị	1
468	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo bao gồm: - Đồng hồ so: 2046AB - Phần đo trong: 511-702 - Dải đo lỗ: 35–60 mm - Vạch chia: 0,01 mm	Thiết bị	1
469	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo bao gồm: - Đồng hồ so: 2046S - Phần đo trong: 511-701 - Dải đo lỗ: 18–35 mm - Vạch chia: 0,01 mm	Thiết bị	1
470	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo bao gồm: - Đồng hồ so: 2046S	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
	- Phần đo trong: 511-703 - Dải đo lỗ: 50–150 mm - Vạch chia: 0,01 mm		
471	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo bao gồm: - Đồng hồ so: 2046A - Phần đo trong: 511-705 - Dải đo lỗ: 160–250 mm - Vạch chia: 0,01 mm	Thiết bị	1
472	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so Mitutoyo - Phạm vi đo: 0-10mm - Vạch chia: 0.01mm	Thiết bị	10
473	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so Mitutoyo - Phạm vi đo: 0-5mm - Vạch chia: 0.01mm	Thiết bị	2
474	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so Mitutoyo - Phạm vi đo: 0-50mm - Vạch chia: 0.01mm - Độ chính xác: $\pm 0.03\text{mm}$	Thiết bị	2
475	Dịch vụ hiệu chuẩn Nivo khung - Kích thước làm việc: 200mm - Giá trị vạch chia: 0,02mm/m - Model : 960-703 - NSX: Mitutoyo	Thiết bị	1
476	Dịch vụ hiệu chuẩn Nivo thanh - Kích thước làm việc: 200mm - Giá trị vạch chia: 0,02mm/m - Model : 960-603 - NSX: Mitutoyo	Thiết bị	1
477	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí 0-25mm/0.01mm	Thiết bị	2
478	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo 104-136 (150-300mm/0.01mm)	Thiết bị	2
479	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo 104-142 (300-400mm/0.01mm)	Thiết bị	1
480	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí 500-600mm/0.01mm	Thiết bị	1
481	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp điện tử 0-300mm Model: 500-173 NSX: Mitutoyo	Thiết bị	2
482	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp cơ 0-600 mm/0.02mm	Thiết bị	1
483	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp cơ 0-200 mm/0.02mm	Thiết bị	1
484	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo rãnh ngoài 122-111-10 - Phạm vi đo: 0-25mm - Vạch chia: 0.01mm	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
	- Độ chính xác: $\pm 3\mu\text{m}$ - NSX: Mitutoyo		
485	Dịch vụ thử nghiệm Thiết bị kiểm tra từ tính (Gông từ York) - Magnaflux, Model: Y7	Thiết bị	1
486	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài điện tử Mitutoyo 293-330-30 - Phạm vi đo: 0-1 inch - Độ phân giải: 0,00005 inch	Thiết bị	1
487	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài điện tử Mitutoyo 293-343-30 - Phạm vi đo: 3-4 inch - Độ phân giải: 0,00005 inch	Thiết bị	1
488	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài điện tử Mitutoyo 340-351-30 - Phạm vi đo: 0-6 inch - Độ phân giải: 0,00005 inch	Thiết bị	1
489	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ rung HUATEC HG-6360	Thiết bị	2
490	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo khí Oxy SENKO SGTP-O2 - Khí đo: O ₂ - Dải đo: 0–30 %Vol - Cảm biến: điện hóa - Phương pháp lấy mẫu: khuếch tán	Thiết bị	2
491	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị KT ống bằng dòng điện xoáy MultiScan MS5800,S/N:1214098-02	Thiết bị	1
492	Dịch vụ hiệu chuẩn Chìa khóa ngẫu lực KING TONY 34662-3DG (200-1000 N·m), 02 chiều quay	Thiết bị	2
493	Dịch vụ hiệu chuẩn Chìa khóa ngẫu lực KING TONY 34862-2DG (300-1500 N·m), 02 chiều quay	Thiết bị	1
494	Dịch vụ hiệu chuẩn Chìa khóa ngẫu lực KING TONY 34462-1DG (40-200 N·m), 02 chiều quay	Thiết bị	1
495	Dịch vụ hiệu chuẩn Chìa khóa ngẫu lực KING TONY 34462-3DG (20-100 N·m), 02 chiều quay	Thiết bị	1
496	Dịch vụ hiệu chuẩn Chìa khóa ngẫu lực KING TONY 34662-2DG (150-800 N·m), 02 chiều quay	Thiết bị	1
IX	Phân xưởng Sửa chữa Cơ – Nhiệt Vĩnh Tân tại NMNĐ Vĩnh Tân 4		
497	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ căn mẫu song song Model: 260600 Số cặp bằng nhau: 14 Độ chính xác: $\pm 0.01\text{mm}$ Kích thước: 150x10mm Chiều cao: 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 35, 40, 45, 50mm Hộp đựng bằng gỗ	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
498	Dịch vụ hiệu chuẩn Bộ căn mẫu Mitutoyo 8 chi tiết Model: 516-115-10 Cấp chính xác: cấp 0 Tiêu chuẩn: ISO/DIN/JIS Kích thước: 25, 50, 75, 100, 125, 150, 175, 200mm Vật liệu: thép Hộp đựng bằng gỗ	Thiết bị	1
499	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo rung Scout 140-EX GE Bently Nevada	Thiết bị	1
500	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ rung Smartsensor AS63A	Thiết bị	1
501	Dịch vụ hiệu chuẩn Thiết bị đo chiều dày kim loại cầm tay sử dụng công nghệ phân cực điện từ cải tiến. EMA Model: A1270 Hãng: ACS Group	Thiết bị	1
502	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ dày vật liệu bằng siêu âm Elcometer MTG4-TXC Các vật liệu đo: Nhôm, thép, thép chống gỉ, gang, plexiglass, PVC, polystyrene và polyurethane. Cấp bảo vệ IP (chống nước, chống bụi): IP54 Tốc độ đo: 4Hz Dải đo độ dày: P-E: 0.63-500mm, E-E: 2.54 - 25.40mm Độ chính xác đo: $\pm 1\%$ or $\pm 0.1\text{mm}$ Các đơn vị đo: mm or inch Kiểu pin: 2xAA Nhiệt độ hoạt động: -10 đến 50°C Kích thước (w x h x d): 145x73x37mm Trọng lượng (bao gồm pin): 210 g Danh sách đóng gói: Máy chính MTG4, đầu dò góc phải 5 Mhz 1/4, chất tiếp âm, dây đeo cổ tay, bảo vệ màn hình, hộp bảo vệ, 2 pin AA, chứng nhận hiệu chuẩn, hướng dẫn sử dụng	Thiết bị	1
503	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ dày bằng siêu âm HUATEC TG4100. Dải đo : 2 chế độ đo : tiêu chuẩn và đo qua lớp sơn. Chế độ đo tiêu chuẩn : 0,8 mm- 300,0 mm trên thép. Dải đo lớn hơn đến 500mm. Chế độ đo qua lớp sơn 2,5 mm – 18,0 mm (Probe PT-08 and PT-12).Dung sai: +/-0,05 mm trên thép. Độ phân giải: 0,01 mm(khi dải đo dưới 100,0 mm). 0,1mm(khi dải đo trên 100 mm). Khối chuẩn kiểm tra : 4,00 mm. Bộ nhớ : 500 datas in 5 groups, Dải tốc độ truyền: 1000-9999 m/s. Gen siêu âm. Đầu đo PT-08 5mHz, 8mm. Đĩa CD, cáp kết nối.	Thiết bị	1
504	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ cứng kim loại HUATEC RHL50	Thiết bị	1
505	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo độ cứng UCI, model: Equotip 540 UCI, bao gồm đầu đo UCI	Thiết bị	1
506	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy kiểm tra siêu âm mối hàn Epoch 650 Hãng: Olympus	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
507	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo 511-701 (18-35mm/0.01mm, bao gồm đồng hồ so)	Thiết bị	1
508	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo 511-702 (35-60mm/0.01mm, bao gồm đồng hồ so)	Thiết bị	1
509	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo lỗ Mitutoyo 511-703 (50-150mm/0.01mm, bao gồm đồng hồ so)	Thiết bị	1
510	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo 511-415 (15-35mm/0.01mm, bao gồm đồng hồ so)	Thiết bị	1
511	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo 511-416 (35-60mm/0.01mm, bao gồm đồng hồ so)	Thiết bị	1
512	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ đo lỗ Mitutoyo 511-417 (50-150mm/ 0.01mm, bao gồm đồng hồ so)	Thiết bị	1
513	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so Mitutoyo 513-444-10E (0-1.6mm/0.01mm)	Thiết bị	1
514	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so Mitutoyo 1160T (0-5mm/0.01mm)	Thiết bị	1
515	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so kiểu cơ Model: 1044S (0-5mm/0.01mm)	Thiết bị	3
516	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so kiểu cơ Mitutoyo 2046S (10mm/0.01mm)	Thiết bị	10
517	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so cơ Mitutoyo 2052S (0-30/0.01mm)	Thiết bị	1
518	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so 0-50mm/0,01 (Mitutoyo); Model: 3058S-19	Thiết bị	1
519	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ so 3062S-19 Phạm vi đo =100mm NSX: Mitutoyo	Thiết bị	1
520	Dịch vụ hiệu chuẩn Nivo khung Insize 4902-200 (200x200mm, 0.02mm/m)	Thiết bị	1
521	Dịch vụ hiệu chuẩn Nivo cân bằng máy RSK (Dạng thanh) 542-3002	Thiết bị	1
522	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài đầu dẹt 0~25mm/0.01mm Mitutoyo	Thiết bị	1
523	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài điện tử Mitutoyo 331-251-30, dải đo: 0-25mm/0.001mm	Thiết bị	1
524	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài 0-25 mm, Mã: 103-137	Thiết bị	4
525	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme mở dẹt điện tử Mã sản phẩm (Model / Code / Part No.): 422-411-20 Phạm vi đo: 0-30mm Độ chia: 0.001mm Độ chính xác: $\pm 3\mu\text{m}$	Thiết bị	1
526	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí dải đo 25-50mm Mitutoyo 103-138	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
527	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo độ sâu cơ khí Mitutoyo 129-112, 0-150mm	Thiết bị	1
528	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo dải đo 0-150mm , Độ chia: 0,01mm	Thiết bị	2
529	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo, Phạm vi đo: 150-300mm, Độ chia: 0,01mm	Thiết bị	2
530	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí, Phạm vi đo: 300-400 mm. Độ chia: 0.01mm. Số đầu đo: 4. Số cỡ chuẩn: 4 (300-375mm)	Thiết bị	1
531	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo Phạm vi đo: 400-500 mm. Độ chia: 0.01mm	Thiết bị	1
532	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo dải đo 500-600mm	Thiết bị	1
533	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo Phạm vi đo: 700-800mm/ 0.01mm	Thiết bị	1
534	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo ngoài cơ khí Mitutoyo Phạm vi đo: 800-900mm/ 0.01mm	Thiết bị	1
535	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong, Phạm vi đo: 25-50mm	Thiết bị	1
536	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong 50-500mm/ 0.01mm	Thiết bị	1
537	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong Mitutoyo, Phạm vi đo: 50-1500 mm, Độ chia: 0.01mm	Thiết bị	2
538	Dịch vụ hiệu chuẩn Panme đo trong cơ khí dạng ống Mitutoyo (100-2100mm/ 0.01mm)	Thiết bị	1
539	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp điện tử Mitutoyo (0-150mm/0-6")	Thiết bị	1
540	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp điện tử Mitutoyo, Phạm vi đo: 0-200	Thiết bị	1
541	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp cơ Mitutoyo, Phạm vi đo: 0-600mm, Độ chia: 0.02	Thiết bị	1
542	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cặp cơ Mitutoyo, Phạm vi đo: 0-1000	Thiết bị	1
543	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo độ sâu Mitutoyo 300mm	Thiết bị	1
544	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo độ sâu điện tử Mitutoyo 571-213-10 Phạm vi: 0-300mm / 0-12 " Độ chính xác: $\pm 0,02$ mm / $\pm 0,001$ " Độ phân giải: 0.01mm / 0,0005 " NSX: Mitutoyo	Thiết bị	1
545	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo cao đồng hồ Mitutoyo 192-130 (300mm) Phạm vi đo: 300mm Độ chia: 0,01mm Độ chính xác: $\pm 0,03$ mm	Thiết bị	1
546	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy đo khí Gas Riken Keiki GX-3R, CO/H2S/O2/LEL	Thiết bị	2

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
547	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định Máy đo khí Oxy Senko SGTP-O2. Dải đo: 0~30%. Kiểu cảm biến: Điện hóa. Phương pháp lấy mẫu: Khuếch tán. Âm thanh cảnh báo: 90db. Chỉ thị: Red LED. Cảnh báo rung: có rung. Nhiệt độ và độ ẩm:-30°C ~ +50°C ; 5% ~ 95% RH (non-condensing). Cấp bảo vệ: EEx ia IIC T4.	Thiết bị	2
548	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cầu 3000mm Vogel Model: 1590000300 Cấp chính xác: GG0	Thiết bị	1
549	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cầu 2000mm Straight EDGE, thước cầu chữ I GG1. Thước cầu 2m Model: 1581010200	Thiết bị	1
550	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước cầu 1000mm Model: 1581010100 Cấp chính xác: GG1 Tiêu chuẩn: DIN 874	Thiết bị	1
551	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy thủy bình LEICA NA332 (32 x) Độ chính xác/1Km đo đi về (ISO17123-2): 1.8 mm Ảnh ngắm thấu kính: Ảnh thuận Độ phóng đại (zoom): 32 x Đường kính thấu kính: 36 mm Khoảng cách đo ngắn nhất: < 1.0 m Trường nhìn ở khoảng cách 100 m: < 2.1 mm Hệ số nhân: 100 Phạm vi làm việc: ± 15 inch Thiết lập chính xác (độ lệch chuẩn): < 0.5 inch Độ nhảy: 8 inch/ 2 mm Độ chia: 360° Độ chia nhỏ nhất: 1° Nhiệt độ làm việc: -20°C~+40°C	Thiết bị	1
552	Dịch vụ hiệu chuẩn Đồng hồ áp suất (Pressure Gauge) 600 bar, NPT 1/2"	Thiết bị	1
553	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy cân chỉnh định tâm cánh tĩnh ERAG - Model: CAT - Độ chia: 0.001inch - Độ chính xác: ±0.001 inch - Bộ cấp nguồn: 9V - Nhiệt độ làm việc: 5-35 độ C - Meter readout: -199.9 mils to 199.9 mils (3 1/2 digit) - System warming up time: 15s - Absolute reading- less than 1% of full scale - Dải đo: + LCAT: annular spacing from 0.5 to 1.5 inch, packing width from 1.00 to 2.00 inch + SCAT: annular spacing from 0.375 to 1.000 inch – packing	Thiết bị	1

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu
	width from 0.5 to 1.5 inch • Self contained- portable. • Built in battery testers: test positive and negative. Các phụ kiện: 1: Hộp đựng bằng nhôm, có xốp chống sốc: 1 cái 2: Module cấp nguồn PSM-1, pin 9V: 1 bộ 3: SCAT (Small Concentricity Alignment Tool) Head w/ 10ft cord and 15-pin plug: 1 cái 4: LCAT (Large Concentricity Alignment Tool) Head w/ 10ft cord and 15-pin plug: 1 cái 5: Small Accessory Plate for SCAT head containing the following (phụ kiện cho SCAT): 1 bộ 6: Large Accessory Plate for LCAT head containing the following (phụ kiện cho SCAT): 1 bộ 7: Rub bars with 1 hole, 2 holes for SCAT and LCAT (thanh đệm): 1 bộ 8: 10 ft steel tape measure x 1/4 wide with modified hook and lanyard hole (thước dây có đầu móc): 2 cái 9: Các dụng cụ tháo lắp: 1 bộ		
554	Dịch vụ hiệu chuẩn Máy kiểm tra khuyết tật màng sơn Elcometer D236--30kV (0.5 - 30kV) Điện áp đầu ra: 0.5 - 30kV trong các bước 100V Display Resolution: 0.01kV Dây độ dày khoảng: 0 - 7.5mm Bảo động: Âm thanh & Hình ảnh	Thiết bị	1
555	Dịch vụ thử nghiệm Dịch vụ thử nghiệm gông từ York (MT), Model Y1, AC	Thiết bị	1
556	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 1/2" Kingtony 50-350Nm	Thiết bị	2
557	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 3/4" lực xiết 200Nm – 1000Nm	Thiết bị	4
558	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 300-1500 Nm	Thiết bị	1
559	Dịch vụ hiệu chuẩn Cần xiết lực 750-2000 Nm	Thiết bị	1
560	Dịch vụ hiệu chuẩn Thước đo chiều sâu Mitutoyo 0-300 mm	Thiết bị	1

Ghi chú: Nhà thầu cần lưu ý các nội dung sau:

- Giá chào dịch vụ là giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí nhân sự thực hiện, vật tư, thiết bị, tổ chức giao nhận và các chi phí liên quan khác để thực hiện và hoàn tất dịch vụ.
- Nếu nhà thầu có nhu cầu khảo sát, đề nghị Quý nhà thầu gửi công văn đăng ký tham gia khảo sát trước thời gian khảo sát ít nhất 02 ngày làm việc đến Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy Điện EVNGENCO3 (Fax: 0254 - 3924 437).

- Thời gian khảo sát bắt đầu: 08 giờ 00 phút - 17 giờ 00 phút từ thứ hai tới thứ sáu. Chủ đầu tư sẽ cử nhân sự hướng dẫn các nhà thầu trong quá trình khảo sát. Ngoài thời gian nêu trên, Chủ đầu tư không xem xét giải quyết.
- Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát phục vụ cho việc lập E-HSDT. Chi phí khảo sát để phục vụ cho việc lập E-HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
- Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu

3.1. Về chất lượng dịch vụ và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Nhà thầu cam kết:

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ và tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định E-HSMT.
- Có đầy đủ năng lực thực hiện dịch vụ với các nội dung sau:
 - + Thực hiện việc hiệu chuẩn, kiểm định và dịch vụ kỹ thuật đảm bảo an toàn theo các Quy chuẩn, tiêu chuẩn, pháp luật Việt Nam hiện hành.
 - + Cấp chứng nhận cho các trang thiết bị đạt yêu cầu, minh bạch, khách quan, chính xác bao gồm:
 - o Giấy chứng nhận hiệu chuẩn/Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị có đánh giá sai số; độ không đảm bảo đo đầy đủ đối các giá trị tương ứng với các thang đo của các phương tiện đo theo danh mục; kết quả được lập thành bảng (đối với giấy chứng nhận hiệu chuẩn);
 - o Tem hiệu chuẩn/kiểm định dán tại thiết bị (bản gốc).
 - + Trong trường hợp nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu phụ phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của gói thầu theo quy định tại Mục 3 Chương V E-HSMT phù hợp với phân công việc được giao.

3.2. Yêu cầu về năng lực hoạt động:

- Cung cấp chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ/Chủ tịch UBND cấp tỉnh cấp còn hiệu lực áp dụng, giấy chứng nhận có thể hiện nhà thầu có chức năng cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các thiết bị nêu tại Mục 2 chương V của E-HSMT.
- Nhà thầu là đơn vị cung cấp dịch vụ có hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO/IEC 17025:2017 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường thiết bị và cung cấp chứng nhận còn hiệu lực áp dụng. Nhà thầu có thể áp dụng các

tiêu chuẩn dịch vụ khác nhưng phải chứng minh các tiêu chuẩn này tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn do Chủ đầu tư yêu cầu.

3.3. Yêu cầu về phương án kỹ thuật:

Phương án kỹ thuật do nhà thầu đề xuất bao gồm các nội dung tối thiểu như sau:

- Phạm vi cung cấp, thời gian và địa điểm thực hiện của gói thầu.
- Biện pháp tổ chức nhân sự cung cấp dịch vụ hợp lý và hiệu quả phù hợp với từng nhóm thiết bị, có quy trình giao nhận thiết bị.
- Trách nhiệm của các bên, kế hoạch thực hiện các thiết bị tại địa điểm của Chủ đầu tư.
- Có quy trình thực hiện dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm cụ thể đối với từng loại thiết bị theo quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, TCVN hiện hành của pháp luật *(đảm bảo quy trình đã được công khai, minh bạch quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng thông qua một hoặc các hình thức sau: trên trang thông tin điện tử của tổ chức, tại trụ sở chính của tổ chức, tại địa điểm thực hiện hoạt động)*. Việc thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn được thực hiện đầy đủ trên tất cả các chức năng của thiết bị và theo phương pháp đa điểm trên toàn dải đo, bao gồm: điểm “0”, các điểm trung gian và giá trị lớn nhất. Các điểm hiệu chuẩn phải được phân bố phù hợp trên toàn dải đo nhằm đảm bảo đánh giá đầy đủ đặc tính của thiết bị.
- Bảng đánh giá rủi ro, nhận diện mối nguy hiểm và biện pháp an toàn lao động và phòng chống cháy nổ khi thực hiện công việc tại địa điểm của Chủ đầu tư và tại cơ sở của nhà thầu/nhà thầu phụ (nếu có).

3.4. Yêu cầu về cơ sở vật chất, chuẩn đo lường, phương tiện đo:

Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh có đầy đủ cơ sở vật chất, các chuẩn đo lường, phương tiện sẵn sàng phục vụ công tác thực hiện dịch vụ:

- Hồ sơ chứng minh đủ cơ sở vật chất, phương án kỹ thuật phục vụ công tác hiệu chuẩn, kiểm định tại các địa điểm của Chủ đầu tư. Trường hợp thực hiện tại cơ sở của nhà thầu/nhà thầu phụ phải nêu rõ địa chỉ thực hiện trong hồ sơ chứng minh cơ sở vật chất.
- Danh sách các chuẩn đo lường, phương tiện (số lượng, tải trọng,...) dự kiến sử dụng trong công tác hiệu chuẩn, kiểm định đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đo lường phù hợp với danh mục thiết bị nêu tại Mục 2 Chương V của E-HSMT, các chuẩn đo lường, phương tiện đo phải có độ chính xác phù hợp hoặc cao hơn so với thiết bị cần hiệu chuẩn, kiểm định.
- Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm còn thời hạn của các chuẩn đo lường, phương tiện đo phục vụ trong công tác hiệu chuẩn, kiểm định. Trong trường hợp các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của các chuẩn đo lường, phương tiện đo dự kiến sử dụng do nhà thầu cung cấp có khả năng hết hiệu lực trước thời điểm ký kết

hợp đồng, nhà thầu phải cam kết về việc đảm bảo đáp ứng yêu cầu về thiết bị theo quy định của E-HSMT, nếu nhà thầu được lựa chọn và tiến hành ký kết hợp đồng.

3.5. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt:

- Nhà thầu cam kết cung cấp tài liệu, hồ sơ chứng minh nhân sự chủ chốt có:
 - + Quyết định công nhận huấn luyện ATVSLĐ đạt yêu cầu và thẻ an toàn lao động phù hợp với công việc kiểm định nêu trên, còn thời hạn do cơ quan chức năng cấp.
 - + Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy đối với người làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ còn thời hạn do cơ quan chức năng cấp.
- Trường hợp nhà thầu được lựa chọn và tiến hành ký kết hợp đồng, nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu nêu trên trước khi thực hiện công việc..

4. Giải pháp và phương pháp luận: Không yêu cầu.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm: Không yêu cầu.